THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 15/CT-TTg	*Hà Nội, ngày 17 tháng 6 năm 2019*

CHỈ THỊ
Về việc kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019

Thực hiện Luật Đất đai năm 2013, Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15 tháng 01 năm 2019 về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế để kiểm kê, đánh giá đầy đủ, thực trạng nguồn lực đất đai nhằm tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng đất cho phát triển kinh tế - xã hội bền vững và Chương trình điều tra thống kê quốc gia ban hành theo Quyết định số 43/2016/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ Tài nguyên và Môi trường và các bộ, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 trên phạm vi cả nước như sau:

1. Mục đích, yêu cầu

a) Việc kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 nhằm đánh giá thực trạng tình hình sử dụng đất đai của từng đơn vị hành chính các cấp xã, huyện, tỉnh, các vùng kinh tế và cả nước để làm cơ sở đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất đai của các cấp trong 5 năm qua và đề xuất cơ chế, chính sách, biện pháp nhằm tăng cường quản lý nhà nước về đất đai, nâng cao hiệu quả sử dụng đất; đồng thời làm cơ sở cho việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp giai đoạn 2021 - 2030 và là cơ sở quan trọng để xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

b) Công tác tổ chức, thu thập, xử lý, tổng hợp, công bố và lưu trữ dữ liệu kiểm kê phải được thực hiện nghiêm túc.

Kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 phải được thực hiện đầy đủ, chính xác, đúng thời gian; bảo đảm tính khách quan, trung thực, phản ánh thực tế sử dụng đất.

2. Nội dung kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019

Nội dung kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất của từng đơn vị hành chính các cấp trong năm 2019, bao gồm:

a) Diện tích các loại đất theo quy định tại Điều 10 của Luật Đất đai năm 2013; diện tích các loại đối tượng đang sử dụng đất, đối tượng đang quản lý đất theo quy định tại Điều 5 và Điều 8 của Luật Đất đai năm 2013. Trong đó, kiểm kê chi tiết các loại đất trồng lúa, đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng;

b) Diện tích đất ngập nước, đất khu bảo tồn thiên nhiên, đất cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học theo quy định tại Điều 16 và Điều 35 của Luật Đa dạng sinh học;

c) Tình hình sử dụng đất do doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp cổ phần hóa quản lý sử dụng; đất do các ban quản lý rừng và các doanh nghiệp sản xuất nông, lâm nghiệp sử dụng; đất tại các dự án xây dựng nhà ở thương mại; đất xây dựng các công trình sự nghiệp ngoài công lập, công trình công cộng có mục đích kinh doanh; đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích.

Việc kiểm kê đất đai năm 2019 phải đánh giá được thực trạng tình hình quản lý, sử dụng đất; tình hình biến động đất đai trong 5 năm qua của từng địa phương và cả nước; nhất là việc quản lý, thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; việc chấp hành pháp luật đất đai của các tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất; làm rõ nguyên nhân hạn chế, tồn tại; đề xuất đổi mới cơ chế, chính sách, pháp luật đất đai và các biện pháp tăng cường quản lý, sử dụng đất để khắc phục hạn chế, tồn tại hiện nay.

3. Giải pháp thực hiện

a) Việc kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất đối với các nội dung tại điểm a và b khoản 2 của Chỉ thị này được thực hiện trên cơ sở tài liệu, dữ liệu đất đai hiện có, kết hợp với điều tra thực tế, khoanh vẽ, chỉnh lý lên bản đồ đối với các trường hợp biến động trong kỳ kiểm kê (từ năm 2015 đến năm 2019) và tổng hợp kết quả kiểm kê đất đai.

Việc kiểm kê đất ngập nước ven biển (từ đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm đến độ sâu 6 m) được thực hiện trên cơ sở bản đồ, dữ liệu nền địa lý quốc gia hiện có, kết hợp điều tra, khoanh vẽ bổ sung đối với một số khu vực có biến động.

b) Việc kiểm kê đất đai chuyên đề đối với các nội dung tại điểm c mục 2 của Chỉ thị này được thực hiện bằng phương pháp điều tra trực tiếp để tổng hợp, báo cáo;

c) Áp dụng công nghệ thông tin cho việc thu thập, tính toán, tổng hợp diện tích đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất các cấp để bảo đảm độ chính xác, thống nhất kết quả kiểm kê đất đai;

d) Tăng cường kiểm tra, giám sát chặt chẽ trong quá trình thực hiện; đặc biệt coi trọng việc kiểm tra nghiệm thu kết quả thực hiện của tất cả các công đoạn, ở các cấp, nhất là việc thực hiện ở cấp xã để bảo đảm yêu cầu chất lượng và tính trung thực của số liệu kiểm kê. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm sử dụng ảnh viễn thám để kiểm tra kết quả kiểm kê đất đai của một số địa phương;

đ) Các địa phương căn cứ vào yêu cầu công việc và điều kiện thực tế để huy động lực lượng chuyên môn phù hợp hiện có của các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập ở các cấp cùng tham gia thực hiện nhằm bảo đảm chất lượng và thời gian thực hiện; trường hợp thiếu nhân lực thì thuê các tổ chức có chuyên môn phù hợp ngoài công lập để thực hiện.

4. Thời điểm thực hiện và thời hạn hoàn thành

a) Thời điểm triển khai thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất được thực hiện thống nhất trên phạm vi cả nước từ ngày 01 tháng 8 năm 2019. Số liệu kiểm kê đất đai năm 2019 được tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2019.

b) Thời hạn hoàn thành và báo cáo kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 như sau:

Thời hạn hoàn thành và báo cáo kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 như sau:

- Cấp xã hoàn thành và báo cáo kết quả trước ngày 16 tháng 01 năm 2020;

- Cấp huyện hoàn thành và báo cáo kết quả trước ngày 01 tháng 3 năm 2020;

- Cấp tỉnh hoàn thành và báo cáo kết quả trước ngày 16 tháng 4 năm 2020;

- Cả nước và các vùng kinh tế - xã hội hoàn thành trước ngày 16 tháng 6 năm 2020;

- Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hoàn thành và gửi kết quả cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước ngày 16 tháng 01 năm 2020 để tổng hợp, báo cáo; gửi kết quả về Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 16 tháng 4 năm 2020.

5. Kinh phí

Kinh phí kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 do ngân sách nhà nước bảo đảm, cân đối trong dự toán ngân sách được giao hàng năm.

Ngân sách trung ương bảo đảm kinh phí đối với các nhiệm vụ do các bộ, cơ quan trung ương thực hiện; ngân sách địa phương bảo đảm kinh phí đối với các nhiệm vụ do các cấp tỉnh, huyện, xã thực hiện theo quy định phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước hiện hành.

6. Tổ chức thực hiện

a) Bộ Tài nguyên và Môi trường:

- Xây dựng Dự toán kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 đối với các hoạt động do Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện;

- Tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 của các địa phương và đề xuất hỗ trợ kinh phí cho các địa phương có khó khăn do không cân đối đủ ngân sách, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;

- Hướng dẫn biểu mẫu, phương pháp kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019; hoàn thiện phần mềm kiểm kê đất đai, cung cấp cho các địa phương sử dụng và nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin của Bộ Tài nguyên và Môi trường để bảo đảm thống nhất trong việc ứng dụng công nghệ thông tin thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

- Chỉ đạo, tập huấn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện và kiểm tra kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất của các tỉnh, thành trực thuộc Trung ương trên phạm vi cả nước;

- Thực hiện việc kiểm kê đất ngập nước ven biển;

- Tổng hợp, xây dựng báo cáo kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 của cả nước và các vùng kinh tế - xã hội để công bố và báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

b) Bộ Quốc phòng và Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện kiểm kê đất quốc phòng, đất an ninh để thống nhất số liệu phục vụ yêu cầu tổng hợp kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 của từng địa phương; đồng thời gửi báo cáo kết quả về Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp;

c) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc chỉ đạo cung cấp bản đồ, số liệu kết quả kiểm kê hiện trạng rừng và số liệu thống kê hiện trạng rừng năm gần nhất để phục vụ yêu cầu kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019; đồng thời rà soát số liệu kiểm kê, thống kê hiện trạng rừng ở từng địa phương để bảo đảm thống nhất với số liệu kiểm kê đất đai năm 2019;

d) Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định nhu cầu kinh phí thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 của các bộ ngành ở trung ương; nhu cầu hỗ trợ kinh phí thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 cho các địa phương có khó khăn do không cân đối đủ ngân sách, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;

đ) Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường trong việc xây dựng phương án điều tra, biểu mẫu, phương pháp kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

e) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

- Xây dựng phương án, kế hoạch, bố trí kinh phí thực hiện, tổ chức chỉ đạo các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các cấp huyện, xã thực hiện; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ kịp thời khó khăn trong quá trình thực hiện;

- Phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an trong việc kiểm kê đất quốc phòng, đất an ninh trong quá trình thực hiện kiểm kê đất đai để bảo đảm sự thống nhất số liệu giữa các ngành ở địa phương;

- Tổ chức, chỉ đạo kiểm tra nghiệm thu kết quả theo đúng quy định nhằm hoàn thành đủ nội dung, đúng thời gian và bảo đảm chất lượng việc kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 của địa phương;

- Chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về nội dung, chất lượng số liệu và thời gian thực hiện, hoàn thành, báo cáo kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 ở địa phương theo đúng yêu cầu của Chỉ thị này.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thực hiện Chỉ thị này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc